TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/DS-PT
Ngày: 27-02-2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng;

Bà Trương Thị Tuyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***:

Ông Trương Thái Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2018/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Cao Thị N, sinh năm 1957; cư trú tại: Số 63, hẻm 5, nhánh 11, đường Quốc lộ 22B, tổ 12, ấp TH, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị H, sinh năm 1962; cư trú tại: Số 25, tổ 12, ấp TP, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Lê Thu V, sinh năm 1986; cư trú tại: Tổ 12, ấp TP, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983; cư trú tại: Tổ 12, ấp TH, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Thị H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Cao Thị N - trình bày:

Ngày 25/10/2015, bà cho bà Võ Thị H vay số tiền 35.000.000 đồng, có viết giấy nợ, thỏa thuận trả tiền lãi hàng tháng, không thỏa thuận thời hạn trả vốn. Mục đích bà H vay tiền là để trả tiền cho con gái bà H nợ tiền đánh bạc tại Campuchia. Sau khi vay tiền, bà H không trả lãi, vốn. Bà đòi nợ nhiều lần nhưng bà H chỉ trả được được 2.000.000 đồng tiền vốn và 200.000 đồng tiền lãi vào tháng 11 và tháng 12-2017. Nay bà yêu cầu bà H trả số tiền vốn 35.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 9,8%/ năm tính từ tháng 11/2015 đến nay vì số tiền trên bà phải đi vay từ ngân hàng để cho bà H vay lại.

Bị đơn bà Võ Thị H trình bày:

Con gái của bà tên Lê Thu V (lúc đó cũng là con dâu của bà N) đánh bạc thua ở Campuchia bị tạm giữ người, nên ngày 25-10-2015 bà và bà N bàn bạc với nhau kiếm tiền chuộc chị V về nhưng do bà không có tiền nên nhờ bà N đi mượn tiền cho bà. Trong ngày 25-10-2015, bà viết và ký giấy nợ bà N số tiền 35.000.000 đồng. Số tiền trên bà chỉ đứng ra ký giấy nợ chứ thực chất bà không trực tiếp giữ tiền mà bà N đưa tiền cho anh Nguyễn Thanh T (là con rể của bà cũng là con trai của bà N) đi chuộc chị V về. Tại biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 17/9/2017, tại Văn phòng ấp TP, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh, giữa bà H và bà N thống nhất số tiền nợ là 30.000.000 đồng (vì anh T con bà N đã lấy lại 5.000.000 đồng) nên bà H cam kết trả cho bà N mỗi tháng 1.000.000 đồng và bà đã trả được 03 tháng với số tiền vốn 3.000.000 đồng và 400.000 đồng tiền lãi, tổng cộng bà đã trả 3.400.000 đồng. Hiện nay bà còn nợ bà N số tiền 26.600.000 đồng, nhưng hoàn cảnh bà rất khó khăn, hơn nữa số tiền trên mượn để chuộc chị V nên chị V phải có nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà N, bà không đồng ý trả.

- *Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - chị V trình bày:* Chị thừa nhận việc bà H - mẹ chị - vay tiền để trả nợ cho chị là đúng, chị là người trực tiếp gây ra số nợ này nên chị có nghĩa vụ trả nợ cho bà N. Chị V đồng ý trả cho bà N số tiền 26.600.000 đồng, xin trả dần hàng tháng.

- *Anh Nguyễn Thanh T trình bày:* Anh thống nhất như lời trình bày của mẹ anh là bà N. Anh và chị V ly hôn vào năm 2016. Ngày 25-7-2015, anh nhận số tiền 35.000.000 đồng từ bà N đưa cho bà H; ngày hôm sau bà H đưa lại cho anh và anh đưa hết số tiền 35.000.000 đồng cho chị H, em ruột chị V để đi chuộc chị V về, anh không giữ lại 5.000.000 đồng như bà H trình bày.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 70/2018/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị N đối với bà Võ Thị H.

Buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vốn vay 32.800.000, tiền lãi 9.006.000 đồng, tổng cộng 41.806.000 (bốn mươi mốt triệu, tám trăm lẻ sáu nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 16 tháng 11 năm 2018, bị đơn bà Võ Thị H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng sửa bản án sơ thẩm, bà không đồng ý trả cho bà N số tiền 41.806.000 đồng vì bà cho rằng bà chỉ nợ bà N số tiền 26.800.000 đồng.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh*:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc 28.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 12 năm 2017 đến nay, tổng cộng gốc và lãi là 36.347.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Bà H kháng cáo cho rằng chỉ nợ bà N số tiền là 26.800.000 đồng, bởi vì sau khi ký giấy nhận nợ 35.000.000 đồng thì anh T đã lấy lại 5.000.000 đồng, tiền chuộc chỉ hết 30.000.000 đồng; bà đã trả cho bà N số tiền là 3.200.000 đồng. Xét thấy: Bà N và bà H có thỏa thuận việc vay tiền, hợp đồng được lập thành văn bản viết tay thể hiện là "Giấy mượn tiền" ghi ngày 25/10/2015; nội dung thỏa thuận bà N cho bà H vay số tiền vốn 35.000.000 đồng. Bà H cho rằng, số tiền anh T chuộc

chị V chỉ là 30.000.000 đồng nên tại xã, bà N cũng thống nhất số nợ gốc là 30.000.000 đồng; xét thấy việc bà N xác nhận nợ với bà H tại xã không có mặt anh T, mặt khác, anh T đã giao hết số tiền 35.000.000 đồng cho chị H em ruột chị V để chị H giao tiền chuộc chị V về, anh không nhận lại số tiền nào. Tại phiên tòa, chị H xác định có nhận 35.000.000 đồng từ anh T để chuộc chị V và sau đó có giao lại cho anh T 5.000.000 đồng tiền thừa, nhưng anh T không thừa nhận. Bà H, chị H không có chứng cứ nào chứng minh có giao lại cho anh T số tiền 5.000.000 đồng. Do đó, không có căn cứ xác định số nợ vốn còn lại là 30.000.000 đồng như lời trình bày của bà H.

[2] Ngoài ra, tại cấp sơ thẩm bà H khai đã trả cho bà N số tiền 3.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 3.400.000 nên bà chỉ nợ bà N số tiền 26.600.000 đồng, tại đơn kháng cáo bà lại trình bày đã trả cho bà N được 3.200.000 đồng nên chỉ còn nợ bà N 26.800.000 đồng. Lời trình bày của bà có sự không thống nhất, không được bà N thừa nhận, đồng thời cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

[3] Về tiền lãi: Bà H cho rằng khi vay hai bên không thỏa thuận trả lãi nhưng cấp sơ thẩm tuyên buộc bà phải trả tiền lãi cho bà N, xét thấy: Tại "Giấy mượn tiền" ngày 25-7-2015 thể hiện hai bên có thỏa thuận trả lãi hàng tháng, tuy nhiên không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể và không thỏa thuận thời hạn trả. Do đó, có căn cứ xác định đây là hợp đồng vay có lãi, không có kỳ hạn theo quy định tại Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Theo quy định này, bà H phải trả tiền lãi cho bà N đến khi trả xong nợ vốn, do hai bên không xác định mức lãi suất cụ thể nên cấp sơ thẩm tính lãi theo mức lãi suất cơ bản 0,75%/tháng là đúng với quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Cấp sơ thẩm buộc bà H trả cho bà N số tiền gốc và lãi tổng cộng 41.806.000 đồng trong đó 32.800.000 đồng tiền vốn, tiền lãi là 9.006.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là không có căn cứ; không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về thủ tục tố tụng, cấp sơ thẩm xác định anh T là người làm chứng là không chính xác mà cần phải đưa anh T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do tại cấp sơ thẩm, anh T cũng đã được tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa và tại cấp phúc thẩm, anh T cũng đồng ý tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nên không cần hủy bản án sơ thẩm, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm vấn đề này.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà H không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 474, 476, 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị N đối với bà Võ Thị H.

Buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vốn vay 32.800.000, tiền lãi 9.006.000 đồng, tổng cộng 41.806.000 (bốn mươi mốt triệu, tám trăm lẻ sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà Cao Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị H phải chịu 2.090.000 đồng (hai triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Cao Thị N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà N số tiền 967.000 đồng (chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018571 ngày 18/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0019167 ngày 16/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Bà H đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Châu Thành;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai